

Số: /KH-SYT

Lai Châu, ngày tháng 6 năm 2021

## KẾ HOẠCH

### **Cải thiện, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp Sở (DDCI) năm 2021**

Thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021;

Thực hiện Quyết định số 613/QĐ-UBND ngày 26/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về việc Phê duyệt Bộ Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương (Bộ chỉ số DDCI) tỉnh Lai Châu năm 2020.

Thực hiện Công văn số 1705/UBND-KSTT ngày 16/6/2021 của UBND tỉnh Lai Châu về việc Khuyến nghị thực hiện cải thiện Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) tỉnh Lai Châu năm 2021;

Sở Y tế xây dựng kế hoạch cải thiện, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh năm 2021 như sau:

#### **I. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU CẢI THIỆN, NÂNG CAO CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ (DDCI)**

##### **1. Mục tiêu:**

Tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện Chỉ số năng lực cạnh tranh năm 2021 của Sở Y tế; Tập trung khắc phục ngay những chỉ số có nguy cơ làm sụt giảm chỉ số năng lực cạnh tranh ngành; Phấn đấu đạt mục tiêu cải thiện thứ bậc trên các bảng xếp hạng (*năm 2020 Sở Y tế đạt 66,5 điểm xếp hạng trung bình khá, đứng thứ 15/21 sở, ban, ngành*).

##### **2. Nhiệm vụ và giải pháp**

Theo Quyết định số 613/QĐ-UBND ngày 26/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu Phê duyệt Bộ Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương (Bộ chỉ số DDCI) tỉnh Lai Châu năm 2020, gồm 08 chỉ số thành phần: (1) Thiết chế pháp lý và hiệu quả thực hiện các quy định, quy hoạch, kế hoạch; (2) Chi phí thời gian và chất lượng dịch vụ công; (3) Minh bạch thông tin; (4) Cạnh tranh bình đẳng; (5) Tính năng động của sở, ban, ngành; (6) Vai trò và trách nhiệm giải trình của cán bộ lãnh đạo; (7) Chi phí không chính thức; (8) Hỗ trợ doanh nghiệp.

Tại Báo cáo Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) tỉnh Lai Châu năm 2020 đã được chỉ ra: So sánh các chỉ số thành phần DDCI của Sở Y tế với DDCI cấp sở, ban, ngành năm 2020 có 5/8 chỉ số thành phần thấp hơn, lần lượt là: Chi phí thời gian và chất lượng dịch vụ công; Chi phí không chính thức; Hỗ trợ doanh nghiệp; Vai trò và trách nhiệm giải trình

của cán bộ lãnh đạo; Thiết chế pháp lý và hiệu quả thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch.

Qua đánh giá trên Giám đốc Sở Y tế đề nghị Ban giám đốc Sở Y tế, Trưởng các phòng chức năng, Giám đốc các đơn vị trực thuộc Sở cần tập trung khắc phục ngay những chỉ số có nguy cơ làm sụt giảm chỉ số năng lực cạnh tranh ngành thực hiện thông qua các nhiệm vụ và giải pháp sau:

### **2.1. Đối với chỉ số Thiết chế pháp lý và hiệu quả thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch:**

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả của các chính sách, chương trình, sáng kiến hỗ trợ, quy hoạch của đơn vị trong lĩnh vực quản lý.

- Thực hiện hiệu quả các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch vì lợi ích của doanh nghiệp, hợp tác xã (DN/HTX) và nhà đầu tư.

- Các nội dung về phát triển bao trùm (giới, dân tộc thiểu số, xã hội...) cần được quan tâm, chú ý trong quá trình thực hiện các VBQPPL, quy hoạch, kế hoạch; Các nội dung về môi trường, sinh thái và phát triển bền vững trong công tác điều hành cần được quan tâm, chú ý trong quá trình thực hiện các VBQPPL, quy hoạch, kế hoạch.

### **2.2. Đối với chỉ số Chi phí thời gian và chất lượng dịch vụ công:**

- Nâng cao hiệu quả của dịch vụ công trực tuyến (e-gov).

- Nâng cao hiệu quả trong phối hợp với Văn phòng Ủy ban trong việc giải quyết TTHC và dịch vụ công cho doanh nghiệp. TTHC/dịch vụ công phổ biến cho doanh nghiệp gồm các lĩnh vực:

- + Khám bệnh, chữa bệnh: Cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bao gồm: phòng khám đa khoa, phòng khám chuyên khoa, phòng xét nghiệm, cơ sở dịch vụ y tế...

- + Dược phẩm: Cấp, cấp lại, điều chỉnh đủ điều kiện kinh doanh dược đối với cơ sở bán lẻ thuốc, cơ sở bán buôn thuốc...

- + Mỹ phẩm: Cấp, cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm.

- + An toàn thực phẩm: Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở thuộc phạm vi của ngành Y tế.

- Giảm số lần thanh tra, kiểm tra DN/HTX của đơn vị trong 1 năm.

### **2.3. Đối với chỉ số Vai trò và trách nhiệm giải trình của cán bộ lãnh đạo:**

- Lãnh đạo đơn vị cần thể hiện tinh thần trách nhiệm, bao gồm trách nhiệm của người đứng đầu, trong việc thực thi các quy định, chính sách trong lĩnh vực quản lý.

- Lãnh đạo đơn vị cần tích cực tham gia các hoạt động đối thoại với DN/HTX.

### **2.4. Đối với chỉ số Chi phí không chính thức:**

Tuyệt đối không để phát sinh chi phí không chính thức như: Chi phí lót tay, chi phí khác ngoài quy định của Nhà nước cho cán bộ đơn vị khi DN/HTX thực hiện TTHC hay dịch vụ công.

### **2.5. Đối với chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp:**

- Nâng cao tính phù hợp về thiết kế và quy định của các chương trình, hoạt động hỗ trợ mà đơn vị triển khai đối với DN/HTX.

- Nâng cao hiệu quả triển khai, đặc biệt là về khả năng tiếp cận và thời gian có thể tiếp cận, của hoạt động hỗ trợ DN/HTX.

Ngoài 5 nhiệm vụ, giải pháp trên Ban Giám đốc Sở Y tế, các phòng chức năng, các đơn vị trực thuộc Sở thường xuyên thực hiện các chỉ số thành phần trong năm 2021 (*có biểu kế hoạch kèm theo*).

## **II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Các phòng chức năng, các đơn vị trực thuộc Sở Y tế**

- Chủ động xây dựng kế hoạch cải thiện, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh năm 2021 thuộc lĩnh vực của các phòng, đơn vị quản lý.

- Triển khai thực hiện và báo cáo kết quả về Văn phòng Sở (*báo cáo 6 tháng trước ngày 31/5; báo cáo năm trước ngày 30/11/2021*).

### **2. Văn phòng Sở Y tế**

- Theo dõi, kiểm tra tiến độ và tổng hợp kết quả báo cáo của các phòng chức năng, các đơn vị trực thuộc cải thiện, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh năm 2021.

Trên đây là Kế hoạch cải thiện, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh năm 2021 của Sở Y tế; Yêu cầu Trưởng các phòng chức năng, Giám đốc các đơn vị trực thuộc căn cứ kế hoạch nghiêm túc triển khai thực hiện./.

**GIÁM ĐỐC**

**Nơi nhận:**

- Lãnh đạo Sở Y tế;
- Các phòng chức năng thuộc Sở (thực hiện);
- Các đơn vị trực thuộc (thực hiện);
- Lưu: VT, VP.

**Bùi Tiến Thanh**

## PHỤ BIỂU CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CỦA TỪNG CHỈ SỐ THÀNH PHẦN DDCI

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN	THỜI GIAN	GHI CHÚ
<b>1. Thiết chế pháp lý và hiệu quả thực hiện các quy định, quy hoạch, kế hoạch</b>	1.1. Chất lượng hiệu quả của chính sách, chương trình, sáng kiến hỗ trợ, quy hoạch của tỉnh trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý	Các phòng chức năng và các đơn vị trực thuộc	Thường xuyên trong năm	
	1.2. Vận dụng hiệu quả các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch vì lợi ích của DN/HTX			
	1.3. Các nội dung về phát triển bao trùm (giới, dân tộc thiểu số, xã hội...) đã được quan tâm, chú ý trong quá trình thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch			
	1.4. Các nội dung về môi trường, sinh thái và phát triển bền vững trong công tác điều hành đã được quan tâm, chú ý trong quá trình thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch			
<b>2. Chi phí thời gian và chất lượng dịch vụ công</b>	2.1. Hiệu quả của các nỗ lực thực hiện cải cách TTHC nhằm cắt giảm chi phí và thời gian cho DN/HTX thực hiện TTHC trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý			
	2.2. Mức độ hài lòng đối với dịch vụ công trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý			
	2.3. Hiệu quả của dịch vụ công trực tuyến/chính phủ điện tử trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý			

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN	THỜI GIAN	GHI CHÚ
	2.4. Hiệu quả bộ phận một cửa trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý	Các phòng chức năng, các đơn vị có liên quan	Thường xuyên trong năm	
	2.5. Mức độ hài lòng đối với thái độ phục vụ và sự nhiệt tình của cán bộ cơ quan cấp sở, ban, ngành trong lĩnh vực quản lý này khi tiếp xúc với DN/HTX			
	2.6. Hiệu quả phối hợp giữa các sở, ban, ngành liên quan trong việc giải quyết các vấn đề liên quan nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ công và giảm chi phí thời gian			
	2.7. Hiệu quả trong phối hợp với Văn phòng Ủy ban trong việc giải quyết các TTHC cho doanh nghiệp.			
	2.8. Nỗ lực giải quyết vấn đề cho DN trong phạm vi quyền hạn của mình và không đùn đẩy trách nhiệm sang sở, ngành khác hoặc cấp có thẩm quyền cao hơn trong giải quyết thủ tục cho DN/HTX.			
	2.9. Hiệu quả của việc triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin, chính phủ điện tử (e-gov) nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ công, giảm chi phí và thời gian			
	2.10. Thanh tra, kiểm tra đối với một DN/HTX trong một năm trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý			
	2.11. Các yếu tố giới, dân tộc thiểu số được quan tâm, chú ý trong quá trình cung cấp dịch vụ công			

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN	THỜI GIAN	GHI CHÚ
<b>3. Minh bạch thông tin</b>	3.1. Tính dễ dàng trong tiếp cận và tìm hiểu các thông tin, văn bản hướng dẫn, tải xuống các mẫu biểu để thực hiện TTHC và dịch vụ công từ các trang web, cổng dịch vụ công chính phủ điện tử	Các phòng chức năng, các đơn vị có liên quan	Thường xuyên trong năm	
	3.2. Tính dễ hiểu của tài liệu hướng dẫn, cách thức hướng dẫn TTHC, dịch vụ công trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý			
	3.3. Tính chủ động của cơ quan cấp sở, ban, ngành trong việc phổ biến, hướng dẫn về văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý			
	3.4. Chất lượng của thông tin hướng dẫn về TTHC, dịch vụ công trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý trên website của sở, ban, ngành hoặc tỉnh			
	3.5. Tính rõ ràng, hữu dụng trong việc giải đáp các thắc mắc cho DN/HTX của các cơ quan nhà nước trong lĩnh vực quản lý			
<b>4. Cạnh tranh bình đẳng</b>	4.1. Công bằng, không phân biệt đối xử với một DN/HTX, hoặc một số nhóm DN/HTX trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh, cơ hội đấu thầu, đất đai, và tài nguyên	Các phòng chức năng, các đơn vị có liên quan	Thường xuyên trong năm	
	4.2. Công bằng, không phân biệt đối xử giữa các DN/HTX khi thực hiện TTHC trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý			
	4.3. Công bằng, không phân biệt đối xử từ góc độ giới (giữa các DN/HTX do nam giới hoặc nữ làm chủ)			

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN	THỜI GIAN	GHI CHÚ
<b>5. Tính năng động của sở, ban, ngành</b>	5.1. Tích cực thực hiện sáng kiến, chương trình cải cách để mang lại lợi ích lớn hơn cho DN/HTX, nhà đầu tư tại tỉnh trong lĩnh vực chức năng quản lý	Các phòng chức năng và các đơn vị trực thuộc	Thường xuyên trong năm	
	5.2. Tích cực trong việc hỗ trợ giải quyết những khó khăn, vướng mắc của DN/HTX trong lĩnh vực chức năng quản lý			
	5.3. Tích cực, chủ động thực hiện các biện pháp hợp lý và hiệu quả nhằm hỗ trợ cơ sở SXKD, DN, HTX trong các trường hợp thiên tai, dịch bệnh (ví dụ như Covid-19) trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý này			
	5.4. Tích cực, quan tâm chú ý tới dân tộc thiểu số, bình đẳng giới trong quá trình xây dựng, thực thi chính sách, chương trình, quy hoạch, kế hoạch trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý			
<b>6. Vai trò và trách nhiệm giải trình của cán bộ lãnh đạo</b>	6.1. Lãnh đạo sở, ban, ngành trong lĩnh vực chức năng quản lý thể hiện tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu, trong việc thực thi các quy định, chính sách trong lĩnh vực này	Ban Giám đốc Sở Y tế	Thường xuyên trong năm	
	6.2. Lãnh đạo sở, ban, ngành trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý này tích cực tham gia các hoạt động đối thoại với DN/HTX			
	6.3. Lãnh đạo sở, ban, ngành trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý này đã tích cực thực hiện có hiệu quả các cam kết với DN/HTX trong quá trình đối thoại			
<b>7. Chi phí</b>	7.1. Mức độ phổ biến của chi phí không chính thức mà DN/HTX			

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN	THỜI GIAN	GHI CHÚ
<b>không chính thức</b>	tại tỉnh phải trả trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý	Các phòng chức năng, các đơn vị có liên quan	Thường xuyên trong năm	
	7.2. Thực tế của hiện tượng chi trả các khoản chi không chính thức cho cán bộ cơ quan cấp sở, ban, ngành khi thực hiện TTHC, dịch vụ công			
	7.3. Xu thế về mức độ chi phí không chính thức mà DN/HTX phải trả trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý trong năm vừa qua			
<b>8. Hỗ trợ doanh nghiep</b>	8.1. Tích cực triển khai các chương trình (của trung ương và tỉnh) và các sáng kiến, hoạt động nhằm hỗ trợ HKD/DN/HTX trên địa bàn tỉnh trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý	Các phòng chức năng và các đơn vị trực thuộc	Thường xuyên trong năm	
	8.2. Tính phù hợp về thiết kế, quy định của các chương trình, hoạt động hỗ trợ			
	8.3. Hiệu quả triển khai các hoạt động hỗ trợ HKD/DN/HTX trên địa bàn tỉnh trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý (khả năng tiếp cận, thời gian)			
	8.4. Tính minh bạch, công bằng trong các chương trình, hoạt động hỗ trợ.			
	8.5. Tác động của các hoạt động hỗ trợ đối với DN/HTX trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý tới hiệu quả sản xuất kinh doanh của DN/HTX			



